| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2022/DS-ST.
Ngày: 31/3/2022
Về việc tranh chấp
hợp đồng góp vốn.

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện.

2. Bà Châu Hồng Nga.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST – DS ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: 97/3 Trần Kế X, phường 7, quận P, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Khánh T1, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Xã Hoài S, huyện Hoài N, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: Căn hộ C19.19 Chung cư M, khu phố P, phường V, thành phố T, tỉnh D, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967; địa chỉ: 119/1/8 Đỗ Tấn P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: 97/3 Trần Kế X, phường 7, quận P, thành phố H. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là anh Lê Khánh T1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thanh H là bạn bè lâu năm với nhau nên ông H đã nhiều lần rủ ông T cùng hùn tiền để làm ăn chung. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/7/2014, ông Nguyễn Văn T giao cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng để ông H mua xe trộn bê tông. Khi nhận tiền thì ông H có viết giấy biên nhận xác nhận sự việc.

Lần 2: Ngày 10/3/2015, ông Nguyễn Văn T tiếp tục giao cho ông Nguyễn Thanh H 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng để ông H mua xe xúc. Khi nhận tiền thì ông H có viết giấy biên nhận xác nhận sự việc.

Lần 3: Ngày 20/7/2016, ông Nguyễn Văn T tiếp tục giao cho ông Nguyễn Thanh H 203.250.000 (hai trăm lẻ ba triệu hai trăm mươi nghìn) đồng để ông H mua xe xúc. Hai bên còn thỏa thuận số tiền mua xe còn lại sẽ vay ngân hàng trả góp hàng tháng. Khi nhận tiền thì ông H có viết giấy biên nhận xác nhận sự việc.

Tổng số tiền ông H đã nhận từ ông T là 643.250.000 (sáu trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Theo thỏa thuận thì ông T sẽ đưa tiền để ông H tìm mua xe xúc, xe trộn bê tông để cho thuê và sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận sẽ chia đôi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm ông H nhận tiền lần thứ nhất từ ông T đến nay thì ông H chưa chia cho ông T bất kỳ khoản lợi nhuận nào. Đồng thời, theo tìm hiểu của ông T thì thực tế ông H không thực hiện việc mua xe để kinh doanh như thỏa thuận. Ông T cũng nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông H trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng ông H luôn tìm cách né tránh, không hợp tác.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là 643.250.000 (sáu trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ bằng hình thức tống đạt niêm yết tại nơi cư trú của ông H để yêu cầu ông Nguyễn Thanh H có ý kiến trả lời bằng văn bản và cung cấp các chứng cứ liên quan đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến hay bất cứ chứng cứ gì khác. Ngày 25/02/2022, Tòa án triệu tập ông Nguyễn Thanh H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông H tham gia phiên tòa vào ngày 15/3/2022 và ngày 31/3/2022 nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- *Lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L, trình bày*: Bà L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Bà L biết việc ông T đưa cho ông H tổng số tiền 643.250.000 đồng để hùn hạp mua xe trộn bê tông và xe xúc để kinh doanh nhưng thực tế ông H nhận tiền mà không thực hiện mua xe như thỏa thuận. Sau khi phát hiện sự việc thì ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại toàn bộ số tiền đã nhận nhưng ông T chỉ hứa hẹn mà không trả. Bà L xác định đây là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà và ông T.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà L cũng thống nhất và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Kết quả xác minh tại Công an phường T thể hiện*: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: 119/1/8 Đỗ Tấn P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố D nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Kim L xác định khoản tiền ông Nguyễn Văn T đưa cho ông Nguyễn Thanh H là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Bà L xác định bản thân không có yêu cầu gì đối với số tiền ông T đang tranh chấp nên Tòa án không xác định bà Phạm Thị Kim L tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Thanh H để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/3/2022 và ngày 31/3/2022 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Ngày 25/02/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nộp đơn từ chối hòa giải; ngày 28/3/2022 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh H trả lại tổng số tiền đã nhận là 643.250.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Biên nhận ngày 23/7/2014, ngày 10/3/2015 và ngày 20/7/2016 có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thanh H.

[2.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Thanh H đến làm việc để làm rõ việc hùn hạp giữa hai bên nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản đối hay cung cấp bất kỳ chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, ông Nguyễn Thanh H phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Căn cứ Biên nhận ngày 23/7/2014, ngày 10/3/2015 và ngày 20/7/2016 có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thanh H thể hiện: Ông H có nhận tiền từ ông Nguyễn Văn T, mục đích để hùn vốn mua xe xúc, xe trộn bê tông. Như vậy, việc ông H có nhận của ông T tổng số tiền 643.250.000 đồng là có thật. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt, không có ý kiến cũng như không có yêu cầu phản tố để xác định tổng số tiền 643.250.000 đồng đã nhận vào các ngày 23/7/2014, ngày 10/3/2015 và ngày 20/7/2016 là số tiền ông T dùng để hùn hạp làm ăn với ông H hay chỉ là quan hệ vay mượn. Đồng thời, ông H cũng không thể hiện ý chí phản đối đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và làm căn cứ khởi kiện không phải là do ông H viết, ông H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh quá trình hùn hạp làm ăn chung với ông T thì lời lỗ như thế nào, việc phân chia lợi nhuận và rủi ro ra sao. Ông T xác định, sau khi nhận tiền thì ông H không thực hiện việc mua xe để kinh doanh như thỏa thuận của hai bên nên yêu cầu ông H phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận.

[3 Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B về việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 276, Điều 280, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Nguyễn Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền đã nhận là 643.250.000 đồng (sáu trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 29.730.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.865.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003077 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- CC THA DS thành phố D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**